TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chon;

2. Ông Nguyễn Ngọc Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1302/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thành L, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Số 323 ấp H, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh S, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 76 đường K, ấp Đ, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 28/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành L trình bày:

Bà và ông Lê Thanh S tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2014, đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2014 ngày 10/02/2014. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì bà và ông S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà và ông S không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh S.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 18/9/2014. Hiện nay, trẻ P đang sống với ông S nên bà đồng ý giao cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thành L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thành L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục kết hôn (bản sao), giấy khai sinh (bản sao), căn cước công dân của bà L (bản sao), căn cước công dân ông S (bản phô tô).

Ông Lê Thanh S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Sang.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Lê Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thành L và ông Lê Thanh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2014 ngày 10/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thành L xin ly hôn với ông Lê Thanh S là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà L thì mâu thuẫn giữa bà và ông Sang là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc, hiên nay bà và ông S không còn sống chung với nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông S không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông S không có thiện chí để đoàn tụ gia đình.

Ông Lê Thanh S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có

liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông S không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 18/9/2014. Hiện nay, trẻ P đang sống với ông S và có nguyện vọng sống với ông S nên giao cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Bà L được quyền, nghĩa vụ thăm nom nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Lê Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nên ông S có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Nguyễn Thị Thành Lộc phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thành L được ly hôn với ông Lê Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2014 ngày 10/02/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thành L và ông Lê Thanh S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 18/9/2014 cho ông Lê Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Bà L được quyền, nghĩa vụ thăm nom nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nếu ông Lê Thanh S có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thành L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016638 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Thanh Thà